

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 171/2025/HC-PT

Ngày: 24-3-2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Thường

- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Long

Ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo** - Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 442/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 158/2024/HC-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 531/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà **Trần Thị Thúy H**; địa chỉ: **khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Phạm Văn N** - Chi nhánh Công ty L; địa chỉ: **số D T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**; có mặt.

- Người bị kiện:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam;

+ Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông **Nguyễn Chí D** – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện **N**, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông **Nguyễn Hoàng V** – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện **N**; vắng mặt.

+ Ông **Nguyễn Văn T** – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện **N**; có mặt.

+ Ông **Nguyễn Minh V1** – Công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường UBND xã **T**, huyện **N**, tỉnh Quảng Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Trần H1**, sinh năm 1948, địa chỉ: **khối phố H**, thị trấn **T**, huyện **T**, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1936, địa chỉ: **khối phố H**, phường **H**, thành phố **T**, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà **Trần Thị N1**, sinh năm 1964, địa chỉ: **tổ dân phố T**, phường **D**, quận **H**, thành phố Hà Nội.

+ Ông **Trần Quốc V2**, sinh năm 1968, địa chỉ: **thôn Đ**, xã **T**, huyện **N**, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông **Trần Quốc M**, sinh năm 1974, địa chỉ: **khối phố H**, phường **H**, thành phố **T**, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà **X**, bà **N1**, ông **H1**, ông **M**, ông **V2**: bà **Trần Thị Thúy H**, sinh năm 1961; địa chỉ: **khối phố H**, phường **H**, thành phố **T**, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên toà, người khởi kiện bà **Trần Thị Thúy H** và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 58 tại **khối E**, thị trấn **N**, huyện **N** có nguồn gốc của ông **Trần H2** và bà **Nguyễn Thị Q** (ông bà nội của bà **Trần Thị Thúy H**) để lại. Trước đây trên đất có nhà ở của ông **Trần H2** và bà **Nguyễn Thị Q**, được chế độ cũ trích lục: **Đại N**, tỉnh Quảng Nam nha bảo điền trạch mang số hiệu 2390 do bà **Nguyễn Thị Q** đứng tên, tục danh thửa đất thường được gọi là Trảng bà **T1**.

Ông **Trần H2** và bà **Nguyễn Thị Q** sử dụng từ năm 1939 đến năm 1962. Từ năm 1962 đến năm 1975, ông **Trần H1** (anh con bác của bà **H**) canh tác, sử dụng đất. Từ năm 1975 đến năm 1981, cha của bà **H** đi tập kết về và sử dụng đất (trồng thông, bạc hà). Năm 1981, cha của bà chuyển công tác đến **thành phố T** nhưng vẫn sinh sống ở **N** (nhà ở thửa đất khác); đối với thửa đất này thì giao lại cho em ruột của bà là ông **Trần Quốc V2** sử dụng đến năm 2006 nhưng do thửa đất hoang hóa,

canh tác không hiệu quả nên cũng không trồng được cây cối gì. Trên đất có mồ mả của ông bà nội và các cô của bà. Năm 2006, gia đình bà **Trần Thị Thúy H** đã di dời một số mồ mả, còn 03 ngôi mộ vẫn chưa quy tập hết.

Trong đơn khởi kiện cũng như trong đơn khiếu nại, bà **Trần Thị Thúy H** cho rằng quá trình sử dụng thửa đất, khoảng năm 1985, cha mẹ bà **Trần Thị Thúy H** có kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg đối với diện tích đất này tại các thửa đất số 249 và 250, tờ bản đồ số 02, đứng tên bà **Trần Thị Thúy H**, cụ thể: thửa đất số 249: diện tích 3173 m², loại đất thổ cư; thửa đất số 250: diện tích 5592 m² loại đất cát. Còn tại phiên tòa hôm nay, bà **Trần Thị Thúy H** khai bà không có đứng tên kê khai đăng ký đối với diện tích đất này; bà nghe nói cha bà có kê khai đăng ký nhưng bà không biết chính xác và không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Khoảng đầu năm 2020, anh chị em bà **Trần Thị Thúy H** về dọn lại vườn cũ của gia đình thì phát hiện một phần đất của gia đình đã bị một số người chiếm dụng trồng cây, xây tường rào bao quanh, đổ đất san lấp luôn 03 ngôi mộ còn lại. Bà **Trần Thị Thúy H** đã gửi đơn kiến nghị đến các cấp chính quyền nhưng **UBND thị trấn N** vẫn không có biện pháp nào xử lý. Đối với phần diện tích đất còn lại bà **Trần Thị Thúy H** trồng trụ bê tông, kéo thép gai xung quanh và trồng cây cối để bảo vệ phần diện tích đất 4005,1 m².

Cuối năm 2022, bà **Trần Thị Thúy H** có đơn đề nghị trích đo thửa đất để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 06/01/2023, cán bộ Chi nhánh **Văn phòng Đ**, cán bộ địa chính **Ủy ban nhân dân thị trấn N** đến kiểm tra đo đạc. Sau đó, Chi nhánh **Văn phòng Đ** có giấy mời bà đứng lúc 14 giờ ngày 27/3/2023 đến tại thực địa thửa đất để kiểm tra lại việc đo đạc.

Sau đó, ngày 04/4/2023, tại trụ sở **UBND thị trấn N**, ông **Nguyễn Minh V1** là Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường thị trấn Núi Thành lập Biên bản làm việc và Biên bản vi phạm hành chính đối với bà. Trong các biên bản này đều ghi thời gian là ngày 27/3/2023, bà có ý kiến nhưng ông **Nguyễn Minh V1** cho rằng hành vi vi phạm của bà được phát hiện vào ngày 27/3/2023. Vì vậy, bà đã ký vào các biên bản nêu trên.

Ngày 20/10/2023, bà **Trần Thị Thúy H** nhận được Quyết định số 7929/QĐ-KPHQ ngày 20/10/2023 của Chủ tịch **UBND huyện N** về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Theo đó, buộc bà **Trần Thị Thúy H** phải khôi phục lại tình trạng đất trước khi vi phạm và buộc bà **Trần Thị Thúy H** phải trả lại 4005,1 m² đất. Bà **Trần Thị Thúy H** cho rằng Chủ tịch **UBND huyện N** ban hành Quyết định 7929/QĐ-KPHQ buộc bà **Trần Thị Thúy H** thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là trái pháp luật và đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà nên bà đã gửi đơn khiếu nại đến cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết hủy Quyết định số 7929/QĐ-KPHQ ngày 20/10/2023 của Chủ tịch **UBND huyện N**; yêu cầu **UBND thị trấn N** hoàn tất các thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 4005,1 m² đất tại **khối E, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam** cho gia đình bà.

Ngày 11/6/2024, bà **Trần Thị Thúy H** nhận được Quyết định số 4484/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch **UBND huyện N** về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà **Trần Thị Thúy H** đối với Quyết định số 7929/QĐ-KPHQ. Theo đó, không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà.

Bà **Trần Thị Thúy H** cho rằng Quyết định số 4484/QĐ-UBND là không đúng với thực tế khách quan. Bởi theo kết quả xác minh để giải quyết khiếu nại của bà **Trần Thị Thúy H** tại Quyết định số 4484/QĐ-UBND thì hồ sơ 299/TTg thể hiện vị trí thửa đất bị lập biên bản vi phạm hành chính thuộc một phần của thửa đất số 272, tờ bản đồ số 02, loại đất màu, diện tích 9272 m², tên chủ sử dụng là **Hợp tác xã nông nghiệp thị trấn N**. Tuy nhiên, trên thực tế theo Công văn trả lời số 145/CNVPĐK ngày 30/5/2022 của Chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ** lại xác định: Tờ bản đồ số 2 theo hồ sơ 299/TTg của **Thị trấn N** hiện nay đã bị thất lạc.

Bà **Trần Thị Thúy H** nhận thấy Quyết định số 7929/QĐ-KPHQ và Quyết định số 4484/QĐ-UBND của Chủ tịch **UBND huyện N** là không đúng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Vì vậy, bà **Trần Thị Thúy H** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy Quyết định số 4484/QĐ-UBND ngày 11/06/2024 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện N** về việc giải quyết khiếu nại của bà **Trần Thị Thúy H**, trú tại **khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam** (lần đầu).

+ Hủy Quyết định số 7929/QĐ-KPHQ ngày 20/10/2023 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện N** về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà **Trần Thị Thúy H** rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện về việc buộc **Ủy ban nhân dân huyện N**, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 462, tờ bản đồ số 58, diện tích 4005,1 m² tại **khối E, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam** cho gia đình bà **Trần Thị Thúy H** gồm các thành viên: bà **Trần Thị Thúy H**, ông **Trần H1**, bà **Nguyễn Thị X**, bà **Trần Thị N1**, ông **Trần Quốc V2**, ông **Trần Quốc M**.

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên toà, đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch **UBND huyện N**, **UBND huyện N** và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Về nguồn gốc đất: Theo nội dung trình bày của bà **Trần Thị Thúy H** thì diện tích đất này (4005,1 m²) tại **khối phố E, thị trấn N** có nguồn gốc là do ông bà nội của bà **Trần Thị Thúy H** (ông **Trần H2** và bà **Nguyễn Thị Q**) để lại. Trước đây ông bà nội bà **H** đã xây dựng nhà ở, được chế độ cũ cấp trích lục mang số hiệu 2390 đứng tên bà **Nguyễn Thị Q**.

Trong quá trình sử dụng, năm 1962 ông bà nội của bà **Trần Thị Thúy H** chết thì ông **Trần H1** (con ông **Trần C** - cháu ruột bà **Q**) tiếp tục sử dụng đến năm 1975. Năm 1976 cha của bà **Trần Thị Thúy H** là ông **Trần Quốc T2** tiếp tục làm nhà ở, trồng hoa màu và sinh sống cùng gia đình trên thửa đất này. Sau một thời gian công tác tại **UBND xã T** (nay là **thị trấn N**), ông **Trần Quốc T2** được điều động về công

tác tại Ban Tuyên giáo huyện T (nay là Thành phố T), các anh chị em của bà H lúc đó cũng đang công tác tại các cơ quan Nhà nước và lập gia đình ở nơi khác nên không thường xuyên lui tới thửa đất.

Trong Đơn khiếu nại bà Trần Thị Thúy H có nêu: Khoảng năm 1985 cha mẹ bà Trần Thị Thúy H có kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg tại thửa đất số 249 và thửa đất số 250, thuộc tờ bản đồ số 02, đứng tên bà Trần Thị Thúy H với diện tích thửa đất số 249 là 3173 m², loại đất thổ cư; diện tích thửa đất số 250 là 5592 m², loại đất cát. Đến đầu năm 2020, anh chị em bà Trần Thị Thúy H quay về dọn lại vườn cũ của gia đình thì phát hiện một phần diện tích đất đã bị người dân chiếm để trồng cây, xây tường rào bao quanh.

Trước tình trạng này buộc gia đình bà H phải trồng trụ bê tông, kéo dây thép gai xung quanh và trồng cây đề giữ, bảo vệ diện tích 4005,1 m² đất còn lại và đã bị UBND thị trấn N Biên bản vi phạm hành chính; đồng thời chuyển hồ sơ lên Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 7929/QĐ-KPHQ ngày 20/10/2023 buộc bà Trần Thị Thúy H phải khôi phục lại tình trạng ban đầu thửa đất trước khi vi phạm và buộc trả lại 4005,1 m² đất.

Qua làm việc với UBND thị trấn N xác định: Theo Sổ mục kê và sơ đồ 299/TTg được lưu tại UBND thị trấn N thì thửa đất số 249 và 250, tờ bản đồ số 02 do bà Trần Thị Thúy H đứng tên đăng ký với diện tích và loại đất cụ thể là: thửa đất số 249, diện tích 3172 m², loại đất T; thửa đất số 250, diện tích 5549m², loại đất cát. Hiện nay, bà Trần Thị Thúy H (người đứng tên đăng ký 02 thửa đất số 249 và 250 thuộc tờ bản đồ số 02) không còn cư trú tại địa phương và không có địa chỉ và thông tin để liên lạc. Mặt khác, vị trí của 02 thửa đất này thuộc vị trí khác, không phải vị trí của thửa đất số 80, tờ bản đồ số 58 mà bà Trần Thị Thúy H khiếu nại. Vị trí bà Trần Thị Thúy H khiếu nại theo hồ sơ 299/TTg là thuộc một phần thửa đất số 272, tờ bản đồ 02.

Về hồ sơ địa chính qua các thời kỳ:

- Theo hồ sơ 299/TTg thể hiện vị trí thửa đất bị lập biên bản vi phạm hành chính thuộc một phần của thửa đất số 272, tờ bản đồ số 02, loại đất màu, diện tích 9272 m², tên chủ sử dụng là Hợp tác xã nông nghiệp thị trấn N.

- Theo hồ sơ 60/CP thị trấn N thể hiện vị trí thửa đất bị lập biên bản vi phạm hành chính thuộc một phần thửa đất số 31, tờ bản đồ số 19, diện tích 7744,1 m², loại đất nghĩa địa.

Theo hồ sơ cơ sở dữ liệu đất đai thị trấn N được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt ngày 26/11/2015 thể hiện vị trí đất bị lập biên bản vi phạm hành chính thuộc một phần của thửa đất số 80, tờ bản đồ số 58, diện tích 9335,5 m², loại đất BHK, tên chủ sử dụng đất là UBND thị trấn N. Theo Mảnh trích đo chính lý bản đồ địa chính số 182-2023 được Chi nhánh Văn phòng Đ duyệt ngày 30/6/2023 thể hiện vị trí đất bị lập biên bản vi phạm hành chính thuộc thửa đất số 462, tờ bản đồ số 58, diện tích 4005,1 m², loại đất trồng cây lâu năm. Do vậy, người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Bản án hành chính sơ thẩm số 158/2024/HC-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Thúy H** đối với Chủ tịch **UBND huyện N** về việc:

+ Hủy Quyết định số 7929/QĐ-KPHQ ngày 20/10/2023 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện N** về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

+ Hủy Quyết định số 4484/QĐ-UBND ngày 11/06/2024 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện N** về việc giải quyết khiếu nại của bà **Trần Thị Thúy H**, trú tại **khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam** (lần đầu).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2024 Bà **Trần Thị Thúy H** kháng cáo đề nghị sửa án.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự và không chấp nhận kháng cáo của bà **H** và giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà **Trần Thị Thúy H**; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Biên bản làm việc số 03/BB-LV ngày 27/3/2023. Theo Biên bản làm việc của Tòa án ngày 17/9/2024 cũng như tại phiên tòa thể hiện: Vào chiều ngày 27/3/2023, ông **Nguyễn Minh V1** và ông **Dương Văn N2** (người có thẩm quyền lập biên bản) không có đến thực địa. Mặt khác trong biên bản làm việc ghi “Ý kiến trình bày của người chứng kiến: Tôi thống nhất nội dung ghi nhận hiện trạng theo số liệu ghi trong biên bản là đúng”, trong khi đó tại mục 1. “Người chứng kiến: không”, như vậy là mâu thuẫn, người lập biên bản cho rằng đó là sai sót trong quá trình soạn thảo văn bản. Hơn nữa Biên bản này bà **H** ký vào ngày 04/4/2023 khi bà nhận được giấy mời qua Zalo. Như vậy, Biên bản làm việc số 03/BB-LV ngày 27/3/2023 có sai sót về thủ tục lập biên bản không đúng về thời gian, địa điểm, người tham gia hiện trường và thời gian ký biên bản không đúng quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[1.2] Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 03/BB-VPHC ngày 27/3/2023 được lập theo Biên bản làm việc số 03/BB-LV ngày 27/3/2023. Nhưng Biên bản làm việc số 03/BB-LV ngày 27/3/2023 có sai sót về thủ tục lập biên bản không đúng về thời gian, địa điểm, người tham gia hiện trường và thời gian ký biên bản. Do đó, Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 03/BB-VPHC ngày 27/3/2023 cũng không đúng quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[1.3] Quyết định số 7929/QĐ-KPHQ ngày 20/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ban hành căn cứ Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 03/BB-VPHC ngày 27/3/2023. Do Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 03/BB-VPHC ngày 27/3/2023 không đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nên Quyết định số 7929/QĐ-KPHQ ngày 20/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả cũng không đúng.

[1.4] Quyết định số 4484/QĐ-UBND ngày 11/06/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị Thúy H, trú tại khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam được ban hành căn cứ Quyết định số 7929/QĐ-KPHQ ngày 20/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Do Quyết định số 7929/QĐ-KPHQ ngày 20/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả không đúng nên Quyết định số 4484/QĐ-UBND ngày 11/06/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị Thúy H, trú tại khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cũng không đúng.

[1.5] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà H là không có căn cứ, không đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo bà H và sửa Bản án của án sơ thẩm.

[2] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì bà H không phải chịu án phí hành chính sơ, phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính; các Điều 38, 54, 58, 65, 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Thúy H và sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 158/2024/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

+ Hủy Quyết định số 7929/QĐ-KPHQ ngày 20/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

+ Hủy Quyết định số 4484/QĐ-UBND ngày 11/06/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị Thúy H, trú tại khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (lần đầu).

2. Án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Trần Thị Thúy H không phải chịu.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Văn Thường